

QUẢN TRỊ ĐIỀU HÀNH CÔNG TY HỢP DANH THEO LUẬT DOANH NGHIỆP NĂM 2020

*Nguyễn Vinh Hưng**

Tóm tắt: Hiện nay, từ thực tiễn hoạt động quản trị điều hành của công ty hợp danh cho thấy, các quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 vẫn đang tồn tại không ít hạn chế, bất cập và chưa thật sự hợp lý nên đã làm cho các thành viên hợp danh gặp khá nhiều khó khăn, phức tạp khi tiến hành quản trị điều hành công ty. Vì vậy, bài viết nghiên cứu về vấn đề quản trị điều hành của công ty hợp danh theo Luật Doanh nghiệp năm 2020, để từ đó chỉ ra các hạn chế, bất cập và đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định pháp luật và để loại hình công ty này phát triển mạnh mẽ tại Việt Nam.

Abstract: Currently, from the practice of managing and directing partnerships, the regulations of Enterprise Law 2020 have shown several limitations, shortcomings, and bottlenecks, which cause complexities and difficulties for partners to manage their companies. The article studies the operational management of partnerships under the Enterprise Law of 2020. In doing so, it points out the limitations and inadequacies and proposes recommendations to strengthen the law for the development of this type of company in Viet Nam.

1. Đặt vấn đề

“Công ty hợp danh là công ty thuộc hình thức của công ty đối nhân”¹. Vì vậy, các yếu tố của công ty đối nhân đã ảnh hưởng rất lớn đến vấn đề quản trị điều hành của công ty này. Tuy nhiên, theo quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2020, công ty hợp danh tồn tại tới hai loại hình thành viên khác nhau và giữa chúng đều có quy chế pháp lý riêng². Điều này làm cho việc quản trị điều hành công ty hợp danh tại Việt Nam trở nên khác biệt rất lớn so với quản trị điều hành công ty hợp danh tại hầu hết các quốc gia trên thế giới. Ngoài ra, từ thực tiễn kinh doanh tại Việt Nam hiện nay cho thấy, các

quy định về quản trị điều hành công ty hợp danh trong Luật Doanh nghiệp năm 2020 vẫn đang tồn tại một số hạn chế, bất cập và nghiên cứu cho thấy, từ rất lâu, đây là một trong các nguyên nhân quan trọng dẫn đến tình trạng công ty hợp danh “hầu như không phát triển mấy ở Việt Nam”³. Hay có thể thấy rằng, cho dù đã được pháp luật quy định, thế nhưng “số lượng các công ty hợp danh đã được thành lập theo Luật Doanh nghiệp rất khiêm tốn” trong vòng 20 năm trở lại đây⁴. Do đó, có nhận định cho rằng, công ty hợp danh “du nhập không mấy thành công vào nước ta... Vì nhiều nguyên nhân, mô hình này đã thất bại hoàn toàn,

* TS., Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.

¹ Bùi Ngọc Cường (2010), *Giáo trình Luật Thương mại*, tập 1, Nxb. Giáo dục Việt Nam, tr. 52.

² Khoản 1 Điều 177 của Luật Doanh nghiệp năm 2020.

³ Minh Ngọc và Ngọc Hà (2011), *Luật Kinh tế*, Nxb. Lao động, tr. 224.

⁴ Phạm Duy Nghĩa (2009), *Luật Doanh nghiệp: Tình huống - phân tích - bình luận*, Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 58.

doanh nhân Việt Nam hầu như không lựa chọn loại hình công ty này”⁵. Vì vậy, để góp phần vực dậy sự phát triển của công ty hợp danh, cần thiết phải xem xét lại các quy định về quản trị điều hành của loại hình công ty này.

2. Quy định về quản trị điều hành công ty hợp danh

Quản trị điều hành là hạt nhân trung tâm của việc duy trì sự tồn tại và tiến hành các hoạt động của các công ty nói chung và công ty hợp danh nói riêng. Tuy nhiên, kể từ Luật Doanh nghiệp năm 1999 cho đến Luật Doanh nghiệp các năm 2005, 2014 và 2020, công ty hợp danh tại Việt Nam luôn tồn tại tới hai loại hình thành viên khác nhau về tư cách pháp lý. Đó là sự khác biệt rất lớn so với quy định truyền thống về công ty hợp danh tại hầu hết các quốc gia trên thế giới. Bởi lẽ, hầu hết các quốc gia đều quan niệm, đối với loại hình công ty hợp danh (*general partnership*), chỉ tồn tại duy nhất một loại hình thành viên là thành viên hợp danh (*general partner*). Nhưng nếu công ty hợp danh có thêm loại thành viên là thành viên góp vốn (*limited partner*) thì đây được coi là công ty hợp vốn đơn giản (hay còn được gọi là công ty hợp danh hữu hạn - *limited partnership*). Mặc dù đây là hai loại hình công ty có khá nhiều điểm tương đồng, nhưng giữa chúng luôn tồn tại các yếu tố tạo nên sự khác biệt rất rõ ràng⁶. Trong đó, yếu tố rất quan trọng để phân biệt giữa hai công ty này chính là sự tham gia của thành viên góp vốn. Sở dĩ cần phân biệt rạch ròi giữa hai công ty này là vì đối với công ty hợp

danh, do chỉ tồn tại duy nhất một loại hình thành viên hợp danh nên việc quản trị điều hành tương đối đơn giản, dễ dàng. Tuy nhiên, đối với công ty hợp vốn đơn giản do tồn tại tới hai loại hình thành viên khác nhau nên việc quản trị điều hành vì thế luôn có sự khác biệt rất lớn so với quản trị điều hành công ty hợp danh.

Nghiên cứu cho thấy, các công ty đối nhân như công ty hợp danh và công ty hợp vốn đơn giản luôn có sự đảm bảo an toàn về mặt pháp lý khá cao, vậy nên, pháp luật tại hầu hết các quốc gia thường xây dựng quy chế pháp lý tương đối mềm mỏng đối với việc quản trị điều hành nhằm để bảo đảm cho các công ty này hoạt động một cách linh động, thuận tiện và hiệu quả. Do đó, trên thực tế, “hợp danh thường có cơ chế quản lý nội bộ linh hoạt, tùy thuộc vào thỏa thuận giữa các thành viên”⁷. Nói cách khác, “luật pháp rất ít quy định bắt buộc đối với họ. Họ có thể tự tổ chức ra cơ chế điều hành hoạt động của công ty, họ cũng không nhất thiết phải có điều lệ hoạt động, không có quy định vốn pháp định”⁸. Nhờ đó, “quyền tự quyết và vai trò của các thành viên hợp danh được nâng cao và đồng thời phát huy khả năng sáng tạo trong kinh doanh của họ”⁹. Đây là những thuận lợi rất lớn trong việc quản trị điều hành của các công ty đối nhân nếu so sánh với các công ty đối vốn. Tuy nhiên, do Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định công ty hợp danh tồn tại cả hai

⁵ Phạm Duy Nghĩa (2015), *Giáo trình Luật Kinh tế*, Nxb. Công an nhân dân, tr. 187.

⁶ Nguyễn Vinh Hưng (2015), *Phân biệt công ty hợp danh và công ty hợp vốn đơn giản theo Luật Doanh nghiệp năm 2014*, Tạp chí Nghề Luật, số 06, tr. 9 - 13.

⁷ Phạm Duy Nghĩa (2009), *Luật Doanh nghiệp tình huống - phân tích - bình luận*, sđd, tr. 63.

⁸ Nguyễn Như Phát và Phạm Duy Nghĩa (2001), *Giáo trình Luật Kinh tế Việt Nam*, Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 151.

⁹ Nguyễn Vinh Hưng (2016), *Cơ cấu tổ chức, quản trị điều hành và cơ chế đại diện của công ty hợp vốn đơn giản theo pháp luật một số quốc gia*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, kỳ 01 tháng 4, tr. 58 - 64.

loại hình thành viên: “Phải có ít nhất hai thành viên là chủ sở hữu chung của công ty (thành viên hợp danh)... và công ty có thể có thêm thành viên góp vốn; thành viên hợp danh là cá nhân”¹⁰. Vì vậy, vấn đề quản trị điều hành công ty hợp danh của Việt Nam trở nên khác biệt so với hầu hết các quốc gia trên thế giới. Bởi lẽ, nếu xét từ thành viên tham gia thì có thể chia công ty hợp danh thành hai loại: Loại thứ nhất - công ty có hai (hoặc nhiều) thành viên hợp danh; và loại thứ hai - công ty có hai (hoặc nhiều) thành viên hợp danh cộng với một (hoặc nhiều) thành viên góp vốn.

Đối với trường hợp công ty hợp danh có hai (hoặc nhiều) thành viên hợp danh: Về nguyên tắc, các thành viên hợp danh sẽ chia nhau đảm nhiệm các chức vụ trong công ty. Đồng thời, các thành viên hợp danh cùng nhau quản lý điều hành công ty và họ đều có tư cách thương nhân (thương gia). Hội đồng thành viên trong trường hợp này chỉ bao gồm thành viên hợp danh. Đây là mô hình quản trị truyền thống của công ty hợp danh và được áp dụng phổ biến từ trước tới nay tại hầu hết các quốc gia.

Trường hợp công ty có hai (hoặc nhiều) thành viên hợp danh cộng với một (hoặc nhiều) thành viên góp vốn: Các thành viên hợp danh vẫn là người chịu trách nhiệm nắm giữ các chức vụ quản lý điều hành của công ty. Thành viên hợp danh vẫn có tư cách thương nhân để có thể đại diện cho công ty giao dịch với bên ngoài. Theo nguyên tắc pháp định, thành viên góp vốn không được giữ các chức vụ quản lý điều hành của công ty và không có tư cách thương nhân để đại diện cho công ty giao

dịch với bên ngoài. Tuy nhiên, trong trường hợp này, Hội đồng thành viên sẽ phải bao gồm tất cả thành viên hợp danh và thành viên góp vốn. Đây chính là mô hình quản trị điều hành của công ty hợp vốn đơn giản.

Khi phân tích các quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 về bộ máy quản trị điều hành của công ty hợp danh, có thể thấy rằng, về cơ bản, bộ máy quản trị điều hành của công ty hợp danh khá đơn giản, tinh gọn. Cụ thể, bộ máy quản trị điều hành của công ty hợp danh hiện nay chỉ bao gồm các thiết chế như: Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc (hoặc Tổng giám đốc). Trong đó, từng thiết chế lại có vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn riêng nhưng giữa chúng luôn có sự chi phối và kiểm soát lẫn nhau.

Về Hội đồng thành viên: Đây là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất và cũng là cơ quan duy nhất của công ty hợp danh. Hội đồng thành viên khi quyết định các vấn đề của công ty sẽ dưới hình thức biểu quyết. Khi biểu quyết, trừ trường hợp điều lệ công ty hợp danh có quy định khác, về nguyên tắc, mỗi thành viên hợp danh đều có một phiếu biểu quyết và có giá trị ngang nhau. Điểm đáng lưu ý, phiếu biểu quyết của thành viên hợp danh không phụ thuộc vào mức độ vốn góp của họ tại công ty hợp danh. Do đó, điều này thể hiện sự dân chủ, bình đẳng giữa các thành viên hợp danh và tạo thuận lợi cho các thành viên hợp danh cho dù góp ít vốn hay nhiều vốn hoặc thậm chí đóng góp bằng các loại tài sản khác nhau như uy tín cá nhân, chứng chỉ hành nghề... Đây cũng là sự khác biệt giữa công ty hợp danh với các loại hình công ty đối vốn điển hình như công ty cổ phần, khi tại công ty này, về nguyên tắc, “quyền lực của công ty tập trung chủ yếu vào các cổ đông

¹⁰ Điểm a và b khoản 1 Điều 177 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

lớn và những người quản lý điều hành công ty (Manager)”¹¹. Mặc dù vậy, “trong các trường hợp công ty có sự tham gia của cả thành viên góp vốn thì thành viên góp vốn được tham gia họp, thảo luận và biểu quyết tại Hội đồng thành viên. Hội đồng thành viên phải bao gồm toàn thể các thành viên kể cả thành viên hợp danh và thành viên góp vốn. Mỗi thành viên chỉ có một phiếu bầu và quyết định của Hội đồng được thông qua bởi ít nhất 3/4 số thành viên hợp danh nhất trí chấp thuận”¹².

Đối với chức danh Chủ tịch Hội đồng thành viên: Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định Chủ tịch Hội đồng thành viên phải là thành viên hợp danh nên đương nhiên người giữ chức danh này có đầy đủ các quyền hạn và nghĩa vụ của một thành viên hợp danh. Ngoài ra, trên cương vị Chủ tịch Hội đồng thành viên, người giữ chức danh này còn có một số quyền hạn và nghĩa vụ khác như: Triệu tập và làm chủ tọa Hội đồng thành viên khi xét thấy cần thiết, ký các quyết định hoặc Nghị quyết của Hội đồng thành viên; quản lý và điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; phân công, phối hợp công việc kinh doanh giữa các thành viên; đại diện cho công ty trong các quan hệ với cơ quan nhà nước...

Về chức danh Giám đốc (hoặc Tổng giám đốc): Chức danh Giám đốc (hoặc Tổng giám đốc) của công ty hợp danh vẫn phải do thành viên hợp danh đảm nhiệm hoặc có thể do thành viên hợp danh kiêm nhiệm cả hai chức danh Chủ tịch Hội đồng thành viên và Giám đốc (hoặc Tổng giám

đốc) nếu Điều lệ công ty không quy định khác¹³. Chính vì thế, Giám đốc (hoặc Tổng giám đốc) cũng sẽ có các quyền hạn và nghĩa vụ của một thành viên hợp danh. Mặt khác, Giám đốc (hoặc Tổng giám đốc) của công ty hợp danh còn có các quyền hạn và nghĩa vụ như: Quản lý và điều hành công việc kinh doanh hằng ngày; triệu tập và tổ chức họp Hội đồng thành viên, ký các quyết định hoặc Nghị quyết của Hội đồng thành viên; đại diện cho công ty trong quan hệ với cơ quan nhà nước, đại diện cho công ty với tư cách là bị đơn hoặc nguyên đơn trong các vụ kiện, tranh chấp thương mại... Tuy nhiên, khác biệt rất lớn so với Việt Nam, tại Cộng hòa Pháp, người quản lý điều hành công ty hợp danh “có thể là một hoặc nhiều người trong số những thành viên của công ty hoặc có thể là người khác không phải là thành viên công ty... Pháp luật của Pháp không cấm việc người quản lý công ty hợp danh có thể là một hoặc nhiều pháp nhân”¹⁴. Nói cách khác, tại Pháp, công ty hợp danh có thể thuê người bên ngoài làm quản lý lãnh đạo và người được thuê có thể là cá nhân hoặc pháp nhân.

Về vai trò và sự tham gia của thành viên hợp danh trong việc quản trị điều hành công ty hợp danh: Có thể nói, “trong công ty hợp danh, các thành viên hợp danh giữ vai trò then chốt, có ý nghĩa quyết định”¹⁵. Đồng thời, theo nguyên tắc pháp định, thành viên hợp danh phải chịu nghĩa vụ liên đới và trách nhiệm vô hạn về mọi khoản nợ của

¹¹ Friedrich Fubler và Jurgen Simon (1992), *Mấy vấn đề pháp luật kinh tế Cộng hòa Liên bang Đức*, Nxb. Pháp lý, tr. 50.

¹² Nguyễn Mạnh Bách (2006), *Các công ty thương mại*, Nxb. Tổng hợp Đồng Nai, tr. 83.

¹³ Khoản 1 Điều 182 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

¹⁴ Nguyễn Vinh Hưng (2016), *Các loại hình của công ty hợp danh tại một số quốc gia châu Âu*, Tạp chí Nghiên cứu châu Âu, số 09, tr. 31 - 41.

¹⁵ Trần Ngọc Dũng và Trần Ngọc Anh (2017), *Các quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2014 về công ty hợp danh và giải pháp hoàn thiện*, Tạp chí Luật học, 04, tr. 39.

công ty hợp danh. Do gánh vác trách nhiệm rất lớn và nặng nề đối với công ty, tất cả các công việc quản trị điều hành của công ty hợp danh đều sẽ do các thành viên hợp danh cùng nhau thực hiện. Điều này thể hiện rõ tầm quan trọng và vai trò của thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh. Ngoài ra, để thuận tiện khi tiến hành các hoạt động kinh doanh, thành viên hợp danh còn được pháp luật trao quyền có thể đại diện cho công ty hợp danh giao dịch với bên ngoài. Tuy nhiên, pháp luật cũng đưa ra hạn chế đối với hoạt động do thành viên hợp danh thực hiện nếu ngoài phạm vi hoạt động kinh doanh của công ty đều không thuộc trách nhiệm của công ty hợp danh, trừ trường hợp hoạt động đó đã được các thành viên còn lại chấp thuận¹⁶.

Khác với thành viên hợp danh, vai trò và mức độ tham gia của thành viên góp vốn trong việc quản trị điều hành công ty hợp danh khá mờ nhạt. “Thành viên góp vốn không được tham gia quản lý công ty, không được tiến hành công việc kinh doanh nhân danh công ty”¹⁷. Mặc dù vậy, với tư cách là thành viên của công ty nên về nguyên tắc, thành viên góp vốn vẫn có quyền tham gia biểu quyết về một số vấn đề quan trọng của công ty hợp danh như: Tham gia họp, thảo luận và biểu quyết tại Hội đồng thành viên về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty; sửa đổi, bổ sung các quyền và nghĩa vụ của thành viên góp vốn về tổ chức lại, giải thể công ty; được cung cấp báo cáo tài chính hằng năm; xem xét sổ kế toán, biên bản, họp đồng, giao dịch, hồ sơ, tài liệu của công ty;

và những vấn đề khác liên quan đến quyền, nghĩa vụ của họ¹⁸...

Ngoài ra, như đã phân tích, công ty hợp danh có sự tham gia của thành viên góp vốn thì phải được xác định đây là công ty hợp vốn đơn giản. Do đó, khi mở rộng phạm vi nghiên cứu để tìm hiểu quy định về quản trị điều hành của công ty hợp vốn đơn giản tại một số quốc gia cho thấy, tại Hoa Kỳ: “Một hợp danh hữu hạn tồn tại một hoặc nhiều thành viên nhận vốn (thành viên hợp danh) là những người thực hiện việc quản trị điều hành kinh doanh và một hoặc nhiều thành viên góp vốn là những người ít có quyền hạn hơn”¹⁹. “Nếu một thành viên góp vốn tham gia trong việc điều hành kinh doanh sẽ chịu trách nhiệm cho các chủ nợ của hợp danh như là một thành viên nhận vốn”²⁰. Do đó, “để duy trì tình trạng được bảo vệ của mình, một thành viên góp vốn phải là một nhà đầu tư thụ động (*passive investor*) trong hợp danh, không được tham gia quản trị”²¹.

Việc quản trị điều hành công ty hợp danh hữu hạn tại Thái Lan được tiến hành theo hướng: “Một công ty hợp danh hữu hạn phải được quản trị chỉ bởi các thành viên chịu trách nhiệm không giới hạn”. Căn cứ quy định này, việc quản trị của công ty phải được giao cho các thành viên nhận

¹⁶ Khoản 2 Điều 184 của Luật Doanh nghiệp năm 2020.

¹⁷ Điểm b khoản 2 Điều 187 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

¹⁸ Khoản 1 Điều 187 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

¹⁹ Lawrence S. Clark, Robert J. Allberts, Peter D. Kinder (1994), *Law and business the regulatory environment*, fourth edition, McGraw-Hill, Inc, tr. 396.

²⁰ A. James Barner, Terry Morehead Dworkin, Eric L. Richards (2000), *Law for business*, seventh edition, Irwin McGraw-Hill, tr. 455.

²¹ David L. Baumer, J.C. Poindexter (2004), *Legal environment of business in the information age*, McGraw-Hill, Irwin, tr. 451.

vốn, còn thành viên góp vốn không có quyền tham gia quản trị công ty²².

Tại Singapore, pháp luật quy định việc quản trị điều hành như sau: “Thành viên góp vốn không được tham gia quản trị trong công ty hợp danh hữu hạn. Nếu một thành viên góp vốn tham gia vào việc quản trị của công ty hợp danh hữu hạn thì người này phải chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ của công ty hợp danh hữu hạn phát sinh trong khi tham gia quản trị như thể người này là một thành viên nhận vốn”²³.

Còn ở Australia và New Zealand, thành viên góp vốn không có quyền tham gia trong việc quản lý điều hành của công ty hợp danh hữu hạn... và thành viên góp vốn sẽ bị mất tình trạng được hưởng chế độ trách nhiệm hữu hạn nếu họ tham gia vào việc quản lý điều hành công ty²⁴.

Hay ở Canada, “trong hợp danh hữu hạn, các thành viên góp vốn là thụ động và các thành viên nhận vốn là người quản trị và điều hành kinh doanh của hợp danh. Thành viên góp vốn bị hạn chế tham gia điều hành kinh doanh của hợp danh, nếu trái lại có thể dẫn tới sự mất đi trách nhiệm hữu hạn của thành viên đó”²⁵. Sở dĩ như vậy là vì, “để đổi lấy trách nhiệm hữu hạn, thành viên góp vốn không được quyền tham gia trong việc điều hành quản trị của hợp danh hữu hạn. Đó là đặc quyền chỉ thuộc về thành viên nhận vốn. Nên một thành viên góp vốn tham gia vào việc điều hành hoặc quản trị

của hợp danh hữu hạn, thành viên góp vốn sẽ bị chịu trách nhiệm như một thành viên nhận vốn”²⁶.

Nghiên cứu cho thấy, vấn đề quản trị điều hành công ty hợp vốn đơn giản tại Việt Nam trước đây được diễn ra như sau: “Công việc quản lý điều hành công ty cấp vốn đơn giản (công ty hợp vốn đơn giản) bao giờ cũng do hội viên thụ cấp (thành viên nhận vốn) phụ trách. Người cấp vốn (thành viên góp vốn) không được tham dự vào việc ấy”²⁷. Do đó, “việc quản trị công việc của hội thuộc thẩm quyền các hội viên thụ tư (thành viên nhận vốn): Điều 59 Thương mại trung phần quy định rằng các hội viên thụ tư là quản lý và quản trị hội cũng như hội hợp danh (công ty hợp danh). Điều 60 nói thêm rằng hội viên xuất tư (thành viên góp vốn) không được có tên trong danh hội (tên công ty) và theo Điều 61 (Điều 27 Bộ luật Thương mại Pháp), hội viên xuất tư không được làm một hành vi quản lý nào; nếu vi phạm sẽ bị coi như hội viên một hội hợp danh”²⁸. Tương tự, Bộ luật Thương mại năm 1972 quy định việc quản lý điều hành theo hướng: “Việc quản lý hội hợp tư đơn thường (công ty hợp vốn đơn giản) tuân theo những điều khoản ấn định cho hội hợp danh. Tuy nhiên, hội viên xuất tư không được làm một hành vi quản lý nào, dầu là có giấy ủy quyền, nếu không họ sẽ bị coi như hội viên thụ tư đối với đệ tam nhân (người thứ ba bên ngoài)”²⁹.

²² Section 1087, The Thailand Civil and Commercial code.

²³ Khoản 2 Điều 6 Luật Công ty hợp danh hữu hạn năm 2008 Singapore.

²⁴ Higgins and Fletcher (1991), *The Law of Partnership in Australia and New Zealand*, sixth edition, The law book company limited, tr. 72 - 75.

²⁵ Bruce Welling, Lionel Smith, Leonard I. Rotman (2010), *Canadian Corporate law, Cases, Notes & Materials*, 4th edition, Lexis Nexis, tr. 49 - 50.

²⁶ Bruce Welling, Lionel Smith, Leonard I. Rotman (2010), *Canadian Corporate law, Cases, Notes & Materials*, 4th edition, tr. 52, sđd.

²⁷ Lê Tài Triền (1959), *Luật Thương mại toát yếu*, Quyển 2, Bộ quốc gia giáo dục xuất bản, tr. 51 - 54.

²⁸ Lê Tài Triền, Nguyễn Vạng Thọ, Nguyễn Tân (1973), *Luật Thương mại Việt Nam dẫn giải*, Quyển 2, Nxb. Sài Gòn kim lai ấn quán, tr. 811.

²⁹ Điều 200 Bộ luật Thương mại năm 1972 của chính quyền Sài Gòn.

Từ đó, có thể thấy rằng, đối với thành viên góp vốn, pháp luật tại nhiều quốc gia và cả Việt Nam đều quy định không cho phép thành viên góp vốn có quyền tham gia quản lý điều hành công ty và đồng thời, không được phép đại diện cho công ty giao dịch với bên ngoài. Nếu thành viên góp vốn cố tình đại diện cho công ty giao dịch với bên ngoài hay nắm giữ các chức vụ quản lý lãnh đạo của công ty thì sẽ mất đi tư cách pháp lý của thành viên góp vốn và bị chuyển sang thành tư cách pháp lý của thành viên hợp danh. Nói cách khác, thành viên góp vốn khi ấy cũng sẽ phải chịu trách nhiệm vô hạn và liên đới đối với mọi nghĩa vụ tài chính của công ty.

Tóm lại, quy chế pháp lý về quản trị điều hành công ty hợp danh theo Luật Doanh nghiệp năm 2020 có sự khác biệt rất lớn so với pháp luật tại hầu hết các quốc gia trên thế giới. Bởi lẽ, tùy thuộc vào sự tham gia của thành viên góp vốn, vấn đề quản trị điều hành công ty hợp danh sẽ thay đổi. Nếu chỉ bao gồm thành viên hợp danh thì vấn đề quản trị điều hành của công ty hợp danh tiến hành theo cách thức truyền thống. Nghĩa là, các thành viên hợp danh sẽ đảm nhiệm mọi vấn đề quản trị điều hành và đại diện cho công ty. Còn nếu công ty có sự tham gia của một (hoặc nhiều) thành viên góp vốn thì lại phải tiến hành theo mô hình quản trị điều hành của công ty hợp vốn đơn giản.

4. Một số kiến nghị

Có nhận định cho rằng, “nguyên nhân cơ bản khiến cho công ty hợp danh không thành công như mong đợi là do khung pháp lý điều chỉnh công ty hợp danh vẫn còn nhiều bất cập, vướng mắc”³⁰. Hay, “những

người làm luật đã thiết kế chưa thành công mô hình công ty hợp danh, còn quá nhiều điều chưa rõ ràng và mâu thuẫn, do vậy mô hình này chưa được giới kinh doanh ở Việt Nam hưởng ứng”³¹. Trong đó, có thể khẳng định, quy định về vấn đề quản trị điều hành công ty hợp danh còn tồn tại khá nhiều mâu thuẫn, bất cập. Đây chính là một trong các nguyên nhân quan trọng dẫn đến việc công ty hợp danh không thu hút được các nhà đầu tư. Vì vậy, tác giả cho rằng, để khắc phục các hạn chế, bất cập trong quy định về vấn đề quản trị điều hành công ty hợp danh và giúp cho công ty này hoạt động hiệu quả hơn thì cần xem xét các giải pháp sau:

Thứ nhất, cần xem xét lại vấn đề quản trị điều hành công ty hợp danh trong Luật Doanh nghiệp năm 2020:

Như đã nói, công ty hợp danh trong Luật Doanh nghiệp năm 2020 có thể đáp ứng cả hai hệ thống quản trị điều hành khác nhau. Nói cách khác, công ty hợp danh có thể tổ chức và quản trị điều hành theo mô hình truyền thống hoặc quản trị điều hành theo mô hình của công ty hợp vốn đơn giản. Quy định hai trong một này dẫn đến tình trạng vấn đề quản trị điều hành công ty hợp danh tại Việt Nam trở nên khác biệt so với pháp luật của hầu hết các quốc gia trên thế giới. Điều này làm cho các nhà đầu tư nước ngoài đến làm ăn, kinh doanh và có nhu cầu thành lập công ty hợp danh tại Việt Nam trở nên lằng nhằng và gây ra không ít khó khăn, phức tạp. Hơn nữa, với xu hướng toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, không chỉ lĩnh vực kinh tế mà quy định pháp luật giữa các quốc gia cũng đang theo xu thế hài hòa, hội nhập và ngày càng gần gũi. Do đó, tác giả cho rằng, để quy định về quản trị điều hành

³⁰ Minh Ngọc và Ngọc Hà (2011), *Luật Kinh tế*, sđd, tr. 224.

³¹ Nguyễn Như Phát và Phạm Duy Nghĩa (2001), *Giáo trình Luật Kinh tế Việt Nam*, sđd, tr. 179.

công ty hợp danh tại Việt Nam trở nên tương đồng, thống nhất với pháp luật quốc tế, cần có sự xem xét và quy định lại về vấn đề này. Từ đó, cần nhanh chóng tách bạch giữa công ty hợp danh và công ty hợp vốn đơn giản vì vốn dĩ chúng hoàn toàn là hai loại hình công ty khác nhau. Nếu như có sự tách bạch rõ ràng giữa hai công ty này, đương nhiên, việc quản trị điều hành của chúng cũng đã riêng biệt. Như vậy, việc quản trị điều hành của công ty hợp danh sẽ đơn giản, dễ dàng và không phát sinh mâu thuẫn, bất cập như hiện nay.

Thứ hai, cần quy định cho phép công ty hợp danh có thể sử dụng người quản lý lãnh đạo là người bên ngoài công ty:

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 thì người quản lý điều hành của công ty hợp danh bắt buộc phải là một trong số các thành viên hợp danh của công ty và người quản lý này đương nhiên phải là cá nhân³². Tuy nhiên, như đã nêu, một số quốc gia như Cộng hòa Pháp lại quy định cho phép “công ty có thể chỉ định một hay nhiều người quản lý trong hay ngoài số thành viên”³³ và “công việc quản lý có thể trao cho một pháp nhân”³⁴. Có thể nói, điều này tạo điều kiện mời gọi thành viên tham gia và thu hút những người có khả năng quản lý lãnh đạo giỏi cho công ty hợp danh. Nhờ đó, đối với công ty hợp danh sẽ rất thuận lợi để cạnh tranh và phát triển. Vì vậy, tác giả cho rằng, cần quy định cho phép công ty hợp danh có thể thuê người bên ngoài làm

quản lý lãnh đạo cho công ty nếu như được tất cả thành viên đều đồng tình nhất trí. Bởi lẽ, về bản chất, công ty hợp danh là công ty đối nhân, nên luôn có sự đảm bảo an toàn về mặt pháp lý rất cao. Hơn nữa, trong mọi trường hợp, công ty hợp danh và các thành viên hợp danh đều phải liên đới và chịu trách nhiệm vô hạn trước các nghĩa vụ tài chính. Do vậy, việc người quản lý bên ngoài đảm nhiệm các chức danh quản lý lãnh đạo của công ty hợp danh, đơn thuần chỉ là sự thỏa thuận giữa các thành viên hợp danh với người bên ngoài, mà không làm giảm đi trách nhiệm của công ty hợp danh hay trách nhiệm của thành viên hợp danh đối với chủ nợ, khách hàng cũng như trước pháp luật. Hơn nữa, có thể tìm hiểu, nghiên cứu quy định tại Cộng hòa Pháp, theo đó: “Đối với trường hợp này, những người quản lý pháp nhân đó cũng phải tuân thủ các quy định về nghĩa vụ của người quản lý công ty hợp danh và về trách nhiệm dân sự cũng như trách nhiệm hình sự của người quản lý công ty hợp danh”³⁵. Từ đó, tác giả cho rằng, việc cho phép người bên ngoài công ty tham gia các chức danh quản lý lãnh đạo của công ty hợp danh như Chủ tịch Hội đồng thành viên hay Giám đốc (hoặc Tổng giám đốc) thì công ty hợp danh vẫn đảm bảo sự an toàn pháp lý. Thiết nghĩ, việc mở rộng đối tượng đảm nhiệm các chức danh quản lý lãnh đạo của công ty hợp danh sẽ tạo điều kiện cho công ty này cạnh tranh và thu hút được những người tài giỏi tham gia quản lý lãnh đạo. Nhờ đó, tạo điều kiện thuận lợi cho công ty hợp danh có thể phát triển mạnh mẽ tại Việt Nam.

³² Khoản 1 Điều 182 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

³³ Francis Lemeunier (1993), *Nguyên lý và thực hành Luật thương mại, Luật kinh doanh*, Nxb. Chính trị quốc gia, tr. 197.

³⁴ Maurice Cozian và Alian Viandier (1988), *Tổ chức công ty, dịch từ nguyên bản tiếng Pháp “Droit des sociétés: Litec. 1988*, Viện Khoa học pháp lý - Bộ Tư pháp, tr. 22.

³⁵ Nguyễn Vinh Hưng (2016), *Các loại hình của công ty hợp danh tại một số quốc gia châu Âu*, tltđ, tr. 31 - 41.